

TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ ĐỨC 1

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022-2023

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I.	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số học sinh : 99HS (43 lớp)	Tổng số học sinh : 119HS (4 lớp)	Tổng số học sinh : 133HS (4 lớp)	Tổng số học sinh : 124HS (4 lớp)	Tổng số học sinh : 159HS (4 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ sáu đến mười bốn tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp một là sáu tuổi; trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em trong diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp một ở độ tuổi từ bảy đến chín tuổi; trẻ em khuyết tật có thể vào học lớp một ở độ tuổi từ bảy đến mười bốn tuổi. Trẻ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các thôn Tân Nam; Tiến Lập; Minh Khai; Quán Rẽ thuộc địa bàn xã Mỹ Đức				
II.	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. Thực hiện 35 tuần/năm học 1. Ngày tựu trường: 22/8/2022 đối với lớp 1, ngày 29/8/2022 đối với các lớp 2,3,4,5 2. Ngày khai giảng: 7h30 ngày 05/9/2022 (Thứ hai) 3. Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/01/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).				

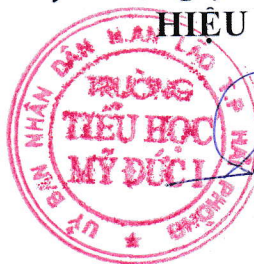


		4. Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2023 đến ngày 25/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). 5. Ngày bế giảng năm học: trước ngày 31/05/2023.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang website của nhà trường, EnetViet - Họp Cha mẹ học sinh 03 Lần/năm - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua điện thoại , tin nhắn EnetViet hoặc gặp trực tiếp ngoài giờ học. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Giao lưu Tiếng Anh, giao lưu các câu lạc bộ... - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu quả đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98 % trở lên - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

Mỹ Đức, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
ThS. *Phạm Văn Loong*

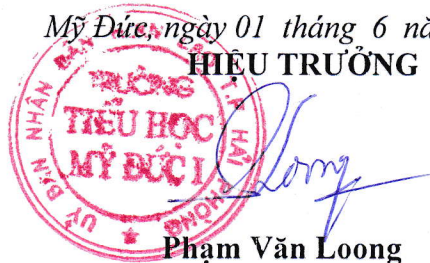
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp1	Lớp 2	Lớp3	Lớp 4	Lớp5
I	Tổng số học sinh	688	125	130	121	156	156
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	688	125	130	121	156	156
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	688	125	130	121	156	156
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	576	111	108	89	130	138
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	110	12	22	32	26	18
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	02	02	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	688	125	130	121	156	156
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	461	100	120	73	73	95
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	225	23	10	48	83	61
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02	2	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	686	123	130	121	156	156
a	Trong đó học sinh khen thưởng cấp trường(tỷ lệ so với tổng số)	558	112	108	89	131	138
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	02	0	0	0	01	01
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	02	02	0	0	0	0

Mỹ Đức, ngày 01 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Văn Loong

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	19/19	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	16	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7852(m ²)	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000(m ²)	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54(m ²)	
2	Diện tích thư viện (m ²)	24(m ²)	
3	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	48(m ²)	
4	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	24(m ²)	
5	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội	(m ²)	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.		
1.1	Khối lớp 1	4 bộ	1 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 2	4 bộ	1 bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 3	3 bộ	1 bộ/ lớp
1.4	Khối lớp 4	4 bộ	1 bộ/ lớp
1.5	Khối lớp 5	4 bộ	1 bộ/ lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập		Số hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị /lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	

X	Nhà vệ sinh	Dùng	Dùng cho học		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt			1		1
2	Chưa đạt					
				Có		Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp		x			
XII	Nguồn điện (lưới, phát		x			
XIII	Kết nối internet (ADSL)		x			
XIV	Trang thông tin điện tử		x			
XV	Tường rào xây		x			

Mỹ Đức, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Tiểu học Mỹ Đức I Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng VI	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33		1	29	0	0	3	1	4	23	5	25	3	
I	Giáo viên	25			25	0				4	21	3	22		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	3			3						3				
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2						2				
3	Tin học														
4	Âm nhạc				1					1					
5	Mĩ thuật	1			1						1				
6	Thể dục														
II	Cán bộ quản lý	2		1	1						2	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	4			2		0	3	1		0		4		
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1		0								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1			1						1				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên Bảo vệ	2						2					2		

Mỹ Đức, ngày 01 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Loong